

Số: 3630/2023/QĐST- KT

Thành phố Thủ Đức, ngày 14 tháng 9 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 9 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 144/2023/TLST - KT ngày 11/05/2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vận chuyển hàng hóa”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH J

Trụ sở: Tầng 11 Khu cao ốc, Lô 5.5, số 8-10 M, phường T, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Chen Z, địa chỉ: Chung cư S, số 72 N, phường A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Xuân V (theo Giấy ủy quyền số 01/2023/GUQ/JT INTER ngày 28/8/2023).

Bị đơn: Công ty TNHH T.

Trụ sở: 32 Đường L, Khu phố O, Phường K, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Phan Thị Ngọc N, địa chỉ: 229/3 đường K, phường H, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành A, địa chỉ: Số 0483A Đường D, Tổ 3, khu phố B, Thị trấn T1, Thị xã T2, tỉnh B2.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nguyên đơn Công ty TNHH J có ông Trần Xuân V là đại diện theo ủy quyền và bị đơn Công ty TNHH T có ông Nguyễn Thành A là đại diện theo ủy quyền cùng thống nhất thoả thuận như sau:

Công ty TNHH T xác nhận còn nợ Công ty TNHH J số tiền nợ gốc tính đến ngày 29/8/2023 là 158.968.443 (một trăm năm mươi tám triệu, chín trăm sáu mươi tám nghìn, bốn trăm bốn mươi ba) đồng. Các bên thống nhất Công ty TNHH T có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH J như sau như sau:

Đợt 1: Vào ngày 29/9/2023, Công ty TNHH T thanh toán cho Công ty TNHH J 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng;

Đợt 2: Vào ngày 29/10/2023, Công ty TNHH T thanh toán cho Công ty TNHH J 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng;

Đợt 3: Vào ngày 29/11/2023, Công ty TNHH T thanh toán cho Công ty TNHH J 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng;

Đợt 4: Vào ngày 29/12/2023, Công ty TNHH T thanh toán cho Công ty TNHH J 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng;

Đợt 5: Vào ngày 29/01/2024, Công ty TNHH T thanh toán cho Công ty TNHH J 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng;

Đợt 6: Vào ngày 29/02/2024, Công ty TNHH T thanh toán cho Công ty TNHH J 18.968.443 (Mười tám triệu, chín trăm sáu mươi tám nghìn, bốn trăm bốn mươi ba) đồng.

Nếu Công ty TNHH T vi phạm một trong những đợt thanh toán như thoả thuận ở trên, thì Công ty TNHH T phải thanh toán một lần toàn bộ số tiền nợ gốc trên. Đồng thời, phải thanh toán tiền lãi chậm trả trên số tiền nợ gốc được tính từ ngày 28/02/2023 theo mức lãi suất 20%/năm cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp, Công ty TNHH T không trả nợ theo đúng quy định trên thì Công ty TNHH J được quyền liên hệ với Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền để yêu cầu thi hành đối với khoản tiền trên.

Các bên thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về án phí hòa giải thành: Công ty TNHH T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 3.974.211 đồng (Ba triệu, chín trăm bảy mươi bốn ngàn, hai trăm mười một đồng).

Hoàn lại cho Công ty TNHH J số tiền tạm ứng án phí Công ty TNHH J đã nộp là 4.928.022 đồng (Bốn triệu, chín trăm hai mươi tám ngàn, không trăm hai mươi hai đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0003095 do Chi cục Thi hành án Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 25/4/2023.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không

bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Đặng Thị Hải Yến